

Triệu Minh Thủy

Tạp chí

CÔNG ĐAN
& KHUYẾN HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Day và Học NGÀY NAY

TODAY'S TEACHING & LEARNING MAGAZINE

ISSN 2815 - 5769

THÁNG 03/2026

- **ỨNG DỤNG THÀNH TỰU CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TẠI HỌC VIỆN BIÊN PHÒNG HIỆN NAY**

APPLYING THE ACHIEVEMENTS OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION AND ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN THE DISSEMINATION AND EDUCATION OF LAW AT THE BORDER GUARD ACADEMY TODAY

TRẦN THÁI DƯƠNG

- **VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ**

APPLYING HO CHI MINH'S THOUGHTS ON SCIENCE AND TECHNOLOGY DEVELOPMENT IN THE DIGITAL AGE

NGUYỄN TUẤN ANH

- **GIÁO DỤC TRỰC TUYẾN Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

ONLINE EDUCATION IN VIETNAM IN THE DIGITAL ERA: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

TRẦN THỊ THU HIỀN

- **HOẠT ĐỘNG NHÓM TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH Ở BẬC ĐẠI HỌC DƯỚI GÓC NHÌN DẠY HỌC HỢP TÁC**

GROUP WORK IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING AT THE UNIVERSITY LEVEL: A COOPERATIVE LEARNING PERSPECTIVE

NGUYỄN THỊ THU THỦY

Học
Học nữa
Học mãi!



THÁNG 03/2026

TỔNG BIÊN TẬP

Tô Quang Phán

BAN TẬP CHÍ IN

TRƯỞNG BAN

Trương Thị Thúy Hằng

PHÓ BAN

Nguyễn Thị Bích

TRÌNH BÀY

Ngô Tráng Kiện

Mạnh Hùng

Tạp chí
CÔNG ĐAN
& KHUYẾN HỌC

CƠ QUAN NGUYÊN LƯU CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Day và Học
NGÀY NAY

MỤC LỤC/ CONTENTS

• Hoàng Hải Phong: Giá trị và định hướng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay trong giảng dạy lý luận chính trị/ <i>Values and orientations on the path to socialism in Vietnam today in teaching political theory</i>	35
• Phạm Kim Phượng: Nâng cao năng lực giải quyết vấn đề cho sinh viên hàng hải qua học phần Giải tích/ <i>Enhancing problem-solving skills for Maritime students through the Analysis course</i>	37
• Nguyễn Khánh: Thái độ học tập của sinh viên đối với môn Ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập/ <i>Students' learning attitudes towards foreign languages in the context of integration</i>	39
• Triệu Minh Thùy: Hình thành cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng Lạng Sơn kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học tác phẩm văn học để tạo cảm xúc cho trẻ/ <i>Developing visual aid utilization skills for early childhood education students at Lang Son College in teaching literary works to evoke emotions in children</i>	40
• Đoàn Mạnh Đồng - Hà Văn Duyên: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quan điểm Đại hội XIV của Đảng/ <i>Improving the quality of human resources in ethnic minority areas of Lam Dong province in accordance with the viewpoint of the 14th National Congress of the Party</i>	43
• Nguyễn Quyết Thắng: Một số vấn đề về nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo ở các trường quân đội hiện nay/ <i>Number of issues related to improving the effectiveness of digital transformation in education and training in military schools today</i>	45
• Nguyễn Đình Long: Vai trò của ngoại ngữ trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao/ <i>The role of foreign languages in developing high-quality human resources</i>	47
• Trương Vũ Ngọc Linh - Trần Thị Hoài Phương: Chiến lược khai thác Video ngắn trên nền tảng Tiktok và Facebook của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Quảng Bình/ <i>Strategies for utilizing short-form videos on tiktok and facebook among Chinese language majors at Quang Binh University</i>	49
• Lê Thị Diệu Huyền: Phân tích của Dematel về các yếu tố quyết định thành phố thông minh/ <i>A dematel analysis of smart city determinants</i>	52
• Nguyễn Xuân Phúc: Một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất ở các trường đại học hiện nay/ <i>Some solutions to improve the quality of physical education in current universities</i>	56
• Nghiêm Khắc Tiếp: Xây dựng đội ngũ giảng viên khoa Công tác Đảng, Công tác chính trị ở Học viện Chính trị đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học hiện nay/ <i>Building a team of lecturers in the Department of Party Work and Political Work at the Academy of Politics to meet current education, training and scientific research requirements</i>	58
• Nguyễn Hữu Việt - Phạm Viết Phương: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị cho cán bộ, chiến sĩ ở học viện lục quân hiện nay/ <i>Improving the quality and effectiveness of political education for officers and soldiers at the army academy today</i>	60
• Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Phạm Ngọc Lâm: Vai trò của Internet vạn vật trong giáo dục và mô hình lớp học thông minh/ <i>The role of the internet of things in education and the smart classroom model</i>	62
• Nguyễn Xuân Thọ: Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lý thuyết Bay tên lửa phòng không/ <i>Application of Information Technology to Enhance the Teaching Quality of Air Defense Missile Flight Theory</i>	65
• Đặng Ngọc Lựu: Ảnh hưởng của quản trị tri thức tới động lực nghiên cứu của giảng viên đại học/ <i>Impact of knowledge management on university lecturers' research motivation</i>	68

• Tòa soạn: Tòa nhà TueMy, số 29/67 Đỗ Quang, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

• Điện thoại: 2473.098.555

• DD: 0983081976

• dvh_nn@yahoo.com

• Tạp chí điện tử Công dân và Khuyến học • Email: toasoan@congdankhuyenhoc.vn

• Giấy phép xuất bản: Số 114/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 25/02/2022

Giá: 38.000 đ

HÌNH THÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN KỸ NĂNG SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG TRỰC QUAN TRONG DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐỂ TẠO CẢM XÚC CHO TRẺ

TRIỆU MINH THUY
Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Ngày nhận bài: 11/02/2026; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 27/02/2026; Ngày duyệt đăng: 11/03/2026

ABSTRACT

This article examines approaches to developing visual aid utilization skills for students majoring in Early Childhood Education at Lang Son College. The primary objective is to equip students with the ability to appropriately select, prepare, and effectively use visual aids in teaching literary works in order to create strong impressions and foster positive emotional responses in young children. The paper proposes a systematic process, ranging from identifying instructional objectives to integrating visual aids with expressive storytelling techniques in classroom practice. These steps aim to enhance the quality of teaching literary works in preschool settings. The findings indicate that structured training in visual aid utilization not only strengthens students' professional competencies but also plays a crucial role in concretizing artistic imagery, stimulating children's emotions, and contributing to their holistic personality development.

Key words: Early Childhood Education students, Lang Son College, visual aid utilization skills, literary works, emotional engagement in children.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn tiếp tục được duy trì và có nhiều chuyển biến. Nhà trường đã quy định cụ thể kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuẩn đầu ra ngành đào tạo cao đẳng GDMN nhằm nâng cao chất lượng cho người học sau tốt nghiệp. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Trong GDMN, việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học (TPVH) là một nội dung quan trọng trong chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, có thể lồng ghép, tích hợp vào nhiều hoạt động khác nhau để cung cấp tri thức, kích thích hứng thú cho trẻ một cách nhẹ nhàng, sâu sắc, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ và cảm xúc. Đối với trẻ nhỏ, đồ dùng trực quan (DDTQ) là cầu nối giúp cụ thể hóa các hình tượng nghệ thuật, giúp trẻ dễ dàng ghi nhớ và tái tạo những hành vi tốt đẹp của nhân vật. Do đó, việc rèn luyện kỹ năng sử dụng DDTQ cho SV sư phạm ngành GDMN là một nhiệm vụ cấp thiết trong quá trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

Bài viết tập trung trình bày các vấn đề lý luận chung về việc hình thành kỹ năng sử dụng DDTQ trong dạy học TPVH để tạo cảm xúc cho trẻ, từ đó chỉ rõ yêu cầu và các bước cũng như một số thủ thuật cho đối tượng là SV sư phạm chuyên ngành có thể nghiên cứu, vận dụng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Khái lược một số vấn đề lý luận liên quan

1.1. Khái niệm kỹ năng

"Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được ở một lĩnh vực nào đó vào thực tế" [5]. Từ trước cho đến nay có nhiều tác giả nghiên cứu về kỹ năng. Xem xét các công trình nghiên cứu đó, chúng tôi thấy nổi lên hai khuynh hướng cơ bản sau:

- Khuynh hướng thứ nhất: Xem xét kỹ năng nghiêng về mặt kỹ thuật thao tác của hành động - tức kỹ thuật hành động là có kỹ năng.

- Khuynh hướng thứ hai: Xem xét kỹ năng nghiêng về mặt năng lực của con người, là khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp...) để giải quyết một nhiệm vụ mới. Đề tài theo quan niệm này vì kỹ năng vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo, vừa có tính mục đích.

Tuy có nhiều cách định nghĩa nhưng chúng ta có thể thấy các tác giả có hai hướng quan điểm chủ yếu: Coi kỹ năng là kỹ thuật của hành động và coi kỹ năng như năng lực giải quyết vấn đề của con người.

Theo chúng tôi có thể hiểu kỹ năng như sau: Kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả hành động nào đó dựa trên cơ sở của những tri thức, kinh nghiệm đã có và những điều kiện nhất định. Kỹ năng là năng lực của con người được hình thành do luyện tập. Khái niệm trên là khái niệm công cụ cho việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hình thành cho SV ngành

GDMN, Trường Cao đẳng Lạng Sơn kỹ năng sử dụng DDTQ trong dạy học TPVH để tạo cảm xúc cho trẻ.

1.2. Kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan

Trong giáo dục, đặc biệt là GDMN, "kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan" được xem là một năng lực nghề nghiệp quan trọng của giáo viên (GV), góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học và phát triển toàn diện cho trẻ. GV mầm non sử dụng DDTQ để gây sự chú ý, tạo hấp dẫn, kích thích sự ham muốn được lắng nghe TPVH. Từ sự chú ý đó, trẻ mới có thể cảm nhận được nội dung của tác phẩm và hiểu được nội dung giáo dục của cô thông qua TPVH. GDMN có thể sử dụng DDTQ làm phương tiện hỗ trợ tích cực trong quá trình giáo dục nhân cách, lòng nhân ái cho trẻ. Do đó, giảng viên cần hình thành cho SV kỹ năng sử dụng DDTQ một cách triệt để và hiệu quả.

Kỹ năng sử dụng DDTQ được hiểu là khả năng của người dạy trong việc lựa chọn, thiết kế, tổ chức và vận dụng các phương tiện trực quan (tranh ảnh, mô hình, vật thật, video, rồi...) một cách phù hợp, hiệu quả và có mục đích sư phạm nhằm hỗ trợ quá trình nhận thức và khơi gợi cảm xúc cho người học. Theo chúng tôi, kỹ năng này gồm các kỹ năng sau: - Lựa chọn được đồ dùng trực quan phải phù hợp với nội dung, ý nghĩa của TPVH, đảm bảo tính thẩm mỹ, đảm bảo tính sử dụng, đảm bảo tính an toàn, phù hợp với khả năng, đặc điểm nhận thức và nhu cầu hứng thú của trẻ; - Xác định được vị trí và mục đích của DDTQ; - Sử dụng DDTQ thành thạo, kết hợp nhuần nhuyễn, tự nhiên với dùng lời nói; - Chuẩn bị DDTQ hấp dẫn, phù hợp với cơ sở vật chất của địa phương, trường, lớp.

Như vậy, kỹ năng sử dụng DDTQ không chỉ dừng lại ở việc "có" và "dùng" phương tiện dạy học mà còn là quá trình vận dụng sáng tạo, có định hướng sư phạm rõ ràng nhằm nâng cao hiệu quả nhận thức và giáo dục cảm xúc cho người học, đặc biệt là trẻ mầm non. Việc làm chủ kỹ năng sử dụng DDTQ giúp trẻ có ấn tượng tốt đẹp về nhân vật, dễ dàng tái tạo những hành vi tốt đẹp và nâng cao khả năng ghi nhớ những chi tiết đặc sắc của tác phẩm.

2. Một số yêu cầu khi hình thành cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Cao đẳng Lạng Sơn kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học tác phẩm văn học để tạo cảm xúc cho trẻ

2.1. Bám sát nguyên tắc sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học tác phẩm văn học để tạo cảm xúc cho trẻ

Trong giáo dục mầm non, việc cho trẻ tiếp cận với TPVH không chỉ nhằm phát triển ngôn ngữ mà còn hướng tới bồi dưỡng đời sống cảm xúc, thẩm mỹ và nhân cách. Tuy nhiên, do đặc điểm nhận thức của trẻ nhỏ mang tính trực quan - hình tượng, việc tiếp nhận TPVH nếu chỉ dựa vào lời kể đơn thuần sẽ khó đạt hiệu quả tối ưu. Vì vậy, sử dụng DDTQ (tranh ảnh, mô hình, rồi, video, vật thật...) trở thành một nguyên tắc sư phạm quan trọng, góp phần giúp trẻ cảm thụ tác phẩm một cách sâu sắc và giàu cảm xúc. Trước hết, cần khẳng định rằng DDTQ có vai trò hỗ trợ quá trình cảm thụ văn học bằng cách cụ thể hóa nội dung trừu tượng của tác phẩm. Thông qua hình ảnh trực quan, trẻ dễ dàng hình dung về nhân

vật, bối cảnh, diễn biến câu chuyện, từ đó tạo nền tảng cho sự xuất hiện của cảm xúc. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, việc sử dụng ĐDTQ phải tuân theo những nguyên tắc nhất định:

- Đảm bảo sự phù hợp với nội dung TPVH: ĐDTQ phải phản ánh đúng tinh thần, chủ đề và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Việc lựa chọn hình ảnh sai lệch, hiện đại hóa hoặc đơn giản hóa quá mức có thể làm biến dạng nội dung, dẫn đến việc trẻ hiểu sai hoặc cảm nhận lệch lạc. Chẳng hạn, với các truyện cổ tích, hình ảnh cần mang màu sắc huyền ảo, truyền thống, giúp trẻ cảm nhận được thế giới nghệ thuật đặc trưng của thể loại này.

- Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của trẻ: Trẻ nhỏ thường chú ý đến các yếu tố nổi bật như màu sắc, hình khối, chuyển động; do đó, ĐDTQ cần được thiết kế đơn giản, rõ ràng, màu sắc hài hòa, tránh quá nhiều chi tiết gây rối mắt. Đồng thời, hình ảnh cần gần gũi, dễ hiểu, phù hợp với kinh nghiệm sống của trẻ, nhằm tạo điều kiện cho việc liên hệ và đồng cảm.

- Sử dụng đúng thời điểm, đúng mức độ, tránh lạm dụng: ĐDTQ chỉ đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn hoạt động tưởng tượng của trẻ. Nếu sử dụng quá nhiều hình ảnh hoặc trình chiếu toàn bộ nội dung ngay từ đầu, trẻ sẽ trở nên thụ động, giảm khả năng tưởng tượng và cảm thụ cá nhân. Do đó, GV cần lựa chọn thời điểm phù hợp để đưa trực quan vào bài học, chẳng hạn dùng tranh để gợi mở trước khi kể chuyện, sử dụng rồi ở đoạn cao trào để tăng kịch tính, hoặc dùng hình ảnh để củng cố nội dung sau khi kể.

- Kết hợp chặt chẽ giữa trực quan và lời kể diễn cảm của GV: Trong hoạt động làm quen với TPVH, giọng kể, ngữ điệu, nhịp điệu và cảm xúc của người kể vẫn giữ vai trò chủ đạo trong việc truyền tải nội dung và tạo xúc cảm cho trẻ. ĐDTQ chỉ có tác dụng hỗ trợ, làm tăng tính sinh động và hấp dẫn. Nếu thiếu sự biểu cảm trong lời kể, trực quan sẽ trở nên khô cứng và không phát huy được hiệu quả cảm xúc.

- Tăng cường sự tương tác và tham gia tích cực của trẻ: Việc sử dụng ĐDTQ không nên dừng lại ở việc quan sát thụ động mà cần tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào quá trình cảm thụ như quan sát - nhận xét tranh, kể lại câu chuyện theo tranh, sử dụng con rối để đóng vai nhân vật hoặc bày tỏ cảm xúc của mình. Sự tương tác này giúp trẻ nhập vai, đồng cảm với nhân vật và phát triển năng lực biểu đạt cảm xúc.

- Đảm bảo tính thẩm mỹ và giáo dục cũng cần được chú trọng: ĐDTQ phải có hình thức đẹp, màu sắc hài hòa, không gây cảm giác sợ hãi hoặc phản cảm, đồng thời góp phần giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ. Thông qua những hình ảnh đẹp, trẻ không chỉ cảm nhận nội dung câu chuyện mà còn hình thành cảm xúc tích cực, yêu cái đẹp và hướng thiện.

Như vậy, sử dụng ĐDTQ trong dạy học TPVH là một phương tiện hiệu quả nhằm khơi gợi và phát triển cảm xúc cho trẻ. Tuy nhiên, hiệu quả đó chỉ đạt được khi người dạy vận dụng các nguyên tắc một cách khoa học, linh hoạt và sáng tạo. Sự kết hợp hài hòa giữa trực quan và nghệ thuật kể chuyện sẽ giúp trẻ không chỉ “hiểu” mà còn “cảm” được tác phẩm, từ đó nuôi dưỡng tâm hồn, phát triển nhân cách và tình yêu đối với văn học.

2.2. Quy trình hình thành cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Cao đẳng Lạng Sơn kỹ năng sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học tác phẩm văn học để tạo cảm xúc cho trẻ

2.2.1. Mục đích

- Giúp SV biết cách lựa chọn, chuẩn bị, sử dụng ĐDTQ phù hợp với từng nội dung tác phẩm và từng chủ đề, chủ điểm.

- Trẻ được trực tiếp quan sát đồ dùng trực quan sẽ có ấn tượng tốt đẹp về các nhân vật trong tác phẩm, mỗi nhân vật sẽ gắn với những hành vi khác nhau với nhân vật mình yêu thích sẽ giúp trẻ dễ dàng tái tạo lại những hành vi tốt đẹp của nhân vật.

2.2.2. Nội dung

- SV cần tìm hiểu kỹ lưỡng về TPVH. Dự kiến và lựa chọn ĐDTQ gồm các loại tranh ảnh, mô hình, vật thật, con rối... ĐDTQ cần đưa ra đúng lúc, đúng chỗ, đầy đủ, phong phú, sinh động, phù hợp với nội dung của từng bài dạy, gắn với chủ đề cụ thể.

- Hướng dẫn SV kỹ năng sử dụng các ĐDTQ hiệu quả.

2.2.3. Cách tiến hành

- Hướng dẫn SV kỹ năng tìm hiểu mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH làm cơ sở xác định việc lựa chọn và sử dụng ĐDTQ phù hợp với từng mục đích cụ thể: + SV cần xác định kỹ khi nào và ở hoạt động nào sẽ sử dụng ĐDTQ như: Dùng để giới thiệu bài, gây hứng thú cho trẻ, minh họa cho lời kể... Việc sử dụng ĐDTQ có thể diễn ra ở các hoạt động khác nhau của quá trình dạy học nhằm minh họa cho kiến thức mới, kích thích hứng thú nhận biết của trẻ, củng cố kiến thức đã học. Tuy nhiên, cần sử dụng

đúng mức cần thiết, việc lạm dụng hay hạn chế việc sử dụng chúng đều ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH; + Hướng dẫn SV xác định được mục đích của ĐDTQ. Việc sử dụng ĐDTQ trong giảng dạy có nhiều mục đích khác nhau như: trình bày, minh họa và tổ chức các hoạt động cho trẻ. Trong quá trình cho trẻ làm quen với TPVH, SV cần xác định mục đích chủ yếu và quan trọng nhất của ĐDTQ là phục vụ quá trình tìm hiểu nội dung TPVH.

- Hướng dẫn SV chuẩn đồ dùng trực quan: + ĐDTQ phải đảm bảo tính thẩm mỹ, tính sử dụng, tính an toàn, phù hợp với khả năng, đặc điểm nhận thức và nhu cầu hứng thú của trẻ; + Trong một tiết dạy SV chuẩn bị và có thể sử dụng linh hoạt nhiều loại ĐDTQ để tạo hứng thú và tăng khả năng ghi nhớ TPVH như: Sử dụng máy chiếu, ti vi (các loại tranh, ảnh minh họa cho TPVH); Sưu tầm đồ dùng trực quan (đồ dùng trực quan bằng vật thật, sân khấu gỗ, đèn chiếu...); làm đồ dùng trực quan (các con rối như rối tay, rối mặt nạ, rối que, “rối người” - dùng người thật để diễn minh họa cho TPVH; các mô hình, sa bàn...).

- Hướng dẫn SV kỹ năng sử dụng ĐDTQ kết hợp với dùng lời: + Vị trí để ĐDTQ: GV hướng dẫn SV khi cho trẻ quan sát ĐDTQ cần lưu ý SV là phải đảm bảo tất cả các trẻ đều phải quan sát được, cần định hướng cho trẻ cách quan sát: + Cách kết hợp nhịp nhàng giữa lời nói và việc sử dụng ĐDTQ, tránh lúng túng và làm sao nhãng việc chú ý của trẻ đến TPVH. Cách kết hợp ĐDTQ với lời nói khi: giới thiệu bài, đọc, kể cảm, đàm thoại, giảng giải về TPVH. Trong khi đàm thoại với trẻ về nội dung TPVH, nếu trẻ quên hoặc khó khăn khi trả lời câu hỏi, SV có thể dùng ĐDTQ để gợi ý cho trẻ, giúp trẻ nhớ lại nội dung tác phẩm; + Dạy trẻ sử dụng ĐDTQ: SV cần hướng dẫn trẻ cách thức sử dụng các ĐDTQ, chẳng hạn: trao đổi với trẻ để trẻ thực hiện các hoạt động thực hành (cách sử dụng sa bàn, con rối, tranh ảnh...) một cách độc lập và có ý thức (như: lấy, cầm đồ vật bằng tay phải, xếp, thực hiện trình tự thao tác với chúng tương ứng với yêu cầu, nhiệm vụ), sau khi sử dụng xong, trẻ cần cất đồ dùng đúng nơi quy định...

Ví dụ minh họa: Với chủ đề “Trường mầm non của bé” khi cho trẻ làm quen với tác phẩm “Đôi bạn tốt” (Chương trình Chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 5-6 tuổi) SV có thể lựa chọn kể chuyện kết hợp với “múa rối minh họa” và cho xem video nhằm cụ thể và chính xác hóa hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm, khắc sâu kiến thức giúp nâng cao khả năng ghi nhớ những chi tiết truyện đặc sắc của TPVH. Cụ thể:

Hoạt động: Giới thiệu bài: SV đàm thoại với trẻ về “con rối tay”: + Cô có một chú gà, và một chú vịt đấy, còn đây là gà mẹ, vịt mẹ nữa!; + Các con có thể đoán được cô sắp kể cho các con nghe câu chuyện gì không và câu chuyện đó diễn biến như thế nào, có bạn nào cho cô biết không? (Cô cho trẻ tự nói lên suy nghĩ của mình); + À! Các con nói rất hay, ở đây cô thấy có cả con cáo mắt xanh này, rồi gà con nữa, vịt con nữa, vậy các con có biết con cáo xuất hiện trong câu chuyện để làm gì không?; + Muốn biết câu chuyện diễn biến ra sao, cô mời các con cùng lắng nghe câu chuyện nhé.

Hoạt động: Kể chuyện cho bé nghe: SV kể chuyện kết hợp cho trẻ quan sát “rối tay”, xem video minh họa cho câu chuyện: + Lần 1: SV kể không sử dụng ĐDTQ sau đó đàm thoại với trẻ, kể bằng lời, ngữ điệu giọng của các nhân vật: + Lần 2: SV kể kết hợp cho trẻ quan sát “rối tay” minh họa câu chuyện. Cô đàm thoại với trẻ về nội dung truyện thông qua hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị trước. Nếu trẻ gặp khó khăn hoặc không trả lời được thì có dùng con rối tay; + Lần 3: SV cho trẻ xem video truyện “Hạt đỗ sót”. SV giới thiệu câu chuyện “Đôi bạn tốt” mới đây đã được chuyển thể thành bộ phim hoạt hình rất hay đấy. Chúng mình có muốn đến rạp chiếu phim để xem không nào? Chúng mình cùng đi xem bộ phim và suy xem bộ phim muốn gửi gắm đến chúng mình điều gì nhé! Bộ phim muốn gửi gắm đến chúng ta điều gì?

Thông qua việc sử dụng ĐDTQ bằng rối tay, xem video SV sẽ tạo được hứng thú với TPVH và giáo dục trẻ: bạn bè phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, đoàn kết khi gặp hoạn nạn. Khi ai có lỗi thì phải biết nhận lỗi và sửa sai, chỉ có như thế chúng mình mới trở thành những người bạn tốt của nhau.

2.3. Lưu ý khi sử dụng đồ dùng trực quan

Trong hoạt động làm quen với TPVH, ĐDTQ là phương tiện quan trọng giúp cụ thể hóa nội dung nghệ thuật và hỗ trợ quá trình cảm thụ của trẻ. Tuy nhiên, nếu sử dụng không hợp lý, ĐDTQ có thể làm giảm khả năng tưởng tượng, làm “cứng hóa” hình tượng nghệ thuật và hạn chế cảm xúc thẩm mỹ. Vì vậy, bên cạnh các nguyên tắc chung, GV cần đặc biệt lưu ý một số vấn đề sau nhằm đảm bảo hiệu quả giáo dục cảm xúc cho trẻ sau: + Không gian lớp học đủ rộng, SV lựa chọn vị trí đứng hợp lý để cho tất cả các trẻ đều quan sát được ĐDTQ, phát huy tính tích cực của trẻ khi

sử dụng: + SV phải căn cứ vào nội TPVH, yêu cầu giáo dục của bài học để lựa chọn ĐDTQ tương ứng thích hợp. Vì vậy, cần xây dựng một hệ thống ĐDTQ phong phú, phù hợp với từng TPVH: + SV cần có phương pháp thích hợp đối với việc sử dụng mỗi loại ĐDTQ như sử dụng ĐDTQ đúng lúc, linh hoạt, sáng tạo, tránh lạm dụng làm trẻ quá chú ý đến ĐDTQ mà không đề ý đến nội dung của TPVH; + SV cần kết hợp lời nói với việc sử dụng các ĐDTQ. Tránh tình trạng lúng túng trong thao tác làm ngắt quãng mạch cảm xúc hoặc khiến trẻ xao nhãng khỏi nội dung TPVH; + SV cần bao quát được lớp, nắm bắt được khả năng của từng cá nhân trẻ để tạo tình huống hấp dẫn kích thích trẻ hứng thú, tập trung vào hoạt động.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, hình thành kỹ năng sử dụng ĐDTQ cho SV ngành GDMN tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn là một nhiệm vụ cấp thiết, mang tính nền tảng trong việc nâng cao chất lượng dạy học TPVH. ĐDTQ không chỉ là công cụ minh họa mà còn là "linh hồn" giúp các giá trị nghệ thuật và nhân văn thấm sâu vào tâm hồn trẻ nhỏ, khơi dậy những cảm xúc tích cực và hành vi đạo đức tốt đẹp. Kỹ năng sử dụng ĐDTQ khi được thực hiện một cách khoa học, linh hoạt và sáng tạo sẽ biến mỗi tiết học văn học trở thành một hành trình khám phá đầy thú vị, giúp trẻ mầm non không chỉ "hiểu" tác phẩm mà còn thực sự "cảm" được vẻ đẹp của ngôn từ và tình người,

từ đó nuôi dưỡng một thế hệ mới giàu lòng nhân ái và năng lực thẩm mỹ. Việc hình thành kỹ năng sử dụng ĐDTQ cho SV nói chung, SV Trường Cao đẳng Lạng Sơn nói riêng không chỉ giúp SV tự tin hơn trong thực hành nghề nghiệp mà còn trực tiếp nâng cao hiệu quả giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non. Đây là một quá trình rèn luyện bền bỉ, đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc từ khâu chuẩn bị đến kỹ năng thể hiện trên lớp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Chương trình giáo dục Mầm non (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Lê Thu Hương (2012), Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề (trẻ 5-6 tuổi), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2011), Giáo trình Phương pháp cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Thị Bắc Lý (2008), Văn học thiếu nhi lứa tuổi mầm non, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (2003), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng.
6. Nguyễn Thị Loan Em (2017), Sử dụng đồ dùng trực quan nâng cao khả năng ghi nhớ truyện kể cho trẻ 5-6 tuổi. Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA...

(Tiếp theo trang 39)

lao động, tiếp cận tri thức toàn cầu và thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít sinh viên vẫn nhìn nhận ngoại ngữ chủ yếu như một yêu cầu mang tính hành chính, nhằm đáp ứng điều kiện tốt nghiệp hoặc lấy chứng chỉ, dẫn đến động cơ học tập mang tính đối phó, ngắn hạn. Việc nâng cao nhận thức cho sinh viên cần được thực hiện một cách có hệ thống, thông qua việc gắn học ngoại ngữ với nhu cầu nghề nghiệp cụ thể, định hướng phát triển cá nhân và yêu cầu hội nhập. Khi sinh viên hiểu rõ mối liên hệ trực tiếp giữa năng lực ngoại ngữ và cơ hội việc làm, khả năng thăng tiến cũng như vị thế của bản thân trong xã hội, động cơ học tập sẽ dần chuyển hóa từ ngoại tại sang nội tại. Động cơ nội tại không chỉ thúc đẩy sinh viên học tập tích cực hơn mà còn giúp họ duy trì sự bền bỉ, kiên trì trước những khó khăn đặc thù của quá trình học ngoại ngữ. Từ đó, thái độ học tập được hình thành trên cơ sở tự giác, chủ động và có định hướng dài hạn, tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ trong giáo dục đại học.

Thứ hai, đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo hướng phát huy vai trò chủ thể của người học

Phương pháp giảng dạy là yếu tố có tác động trực tiếp đến trải nghiệm học tập và thái độ của sinh viên đối với môn ngoại ngữ. Trong nhiều trường hợp, việc duy trì phương pháp dạy học truyền thống, nặng về truyền thụ kiến thức và luyện tập hình thức, đã làm giảm tính hấp dẫn của môn học, khiến sinh viên cảm thấy ngoại ngữ khô khan, khó tiếp cận và thiếu tính ứng dụng. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm không chỉ là yêu cầu của đổi mới giáo dục mà còn là giải pháp quan trọng nhằm cải thiện thái độ học tập của sinh viên. Khi sinh viên được tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua các hoạt động giao tiếp, thảo luận, giải quyết vấn đề và thực hành trong các tình huống gần với thực tiễn, họ sẽ cảm nhận rõ hơn giá trị sử dụng của ngoại ngữ. Sự tham gia chủ động giúp sinh viên chuyển từ vai trò tiếp nhận thụ động sang vai trò chủ thể của hoạt động học, qua đó nâng cao cảm giác làm chủ và hứng thú học tập. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, kết hợp linh hoạt giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến, giữa học trên lớp và tự học có hướng dẫn, sẽ đáp ứng tốt hơn sự khác biệt về trình độ, phong cách và nhu cầu học tập của sinh viên. Khi phương pháp giảng dạy phù hợp, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn mà còn hình thành thái độ học tập tích cực, tự tin và sẵn sàng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thực tiễn.

Thứ ba, xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ tích cực, khuyến khích giao tiếp và giảm áp lực tâm lý cho sinh viên

Môi trường học tập có ảnh hưởng sâu sắc đến cảm xúc, hành vi và thái độ học tập của sinh viên đối với môn ngoại ngữ. Một trong những rào cản lớn nhất trong học ngoại ngữ là tâm lý sợ sai, lo lắng khi giao tiếp và thiếu tự tin, đặc biệt ở những sinh viên có nền tảng kiến thức chưa vững. Nếu môi trường học tập mang tính đánh giá nặng nề, thiếu sự khích lệ và hỗ trợ, những rào cản tâm lý này sẽ càng trở nên trầm trọng, dẫn đến thái độ né tránh và thụ động trong học tập. Vì vậy, việc xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ tích cực, thân thiện và mang tính hỗ trợ là giải pháp quan trọng nhằm cải thiện thái độ

học tập của sinh viên. Môi trường đó cần tạo điều kiện để sinh viên được sử dụng ngoại ngữ thường xuyên trong các bối cảnh đa dạng, từ trong lớp học đến các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, giao lưu học thuật và văn hóa. Việc khuyến khích sinh viên chấp nhận sai sót như một phần tất yếu của quá trình học tập sẽ giúp giảm áp lực tâm lý, tăng cường sự tự tin và sẵn sàng giao tiếp. Khi sinh viên cảm thấy an toàn về mặt tâm lý và được khích lệ trong quá trình sử dụng ngoại ngữ, họ sẽ dần hình thành thái độ học tập tích cực, cởi mở và chủ động hơn. Môi trường học tập tích cực không chỉ hỗ trợ việc phát triển năng lực ngoại ngữ mà còn góp phần nuôi dưỡng động lực học tập lâu dài cho sinh viên.

Thứ tư, phát triển năng lực tự học và hình thành ý thức học tập suốt đời trong học ngoại ngữ của sinh viên

Trong bối cảnh tri thức và yêu cầu hội nhập không ngừng biến đổi, việc học ngoại ngữ không thể giới hạn trong khuôn khổ thời gian và nội dung của chương trình đào tạo chính khóa. Do đó, phát triển năng lực tự học và hình thành ý thức học tập suốt đời cho sinh viên là giải pháp mang tính chiến lược nhằm nâng cao thái độ học tập đối với môn ngoại ngữ. Năng lực tự học cho phép sinh viên chủ động xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp và điều chỉnh tiến trình học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng cá nhân. Khi sinh viên có khả năng tự học, họ sẽ không còn phụ thuộc hoàn toàn vào giảng viên hay chương trình đào tạo, mà có thể tận dụng hiệu quả các nguồn học liệu phong phú từ môi trường số và cộng đồng học tập toàn cầu. Quá trình tự học giúp sinh viên nhận thức rõ hơn trách nhiệm của bản thân đối với kết quả học tập, từ đó hình thành thái độ học tập tự giác, bền bỉ và có chiều sâu. Đồng thời, ý thức học tập suốt đời giúp sinh viên nhìn nhận việc học ngoại ngữ như một quá trình liên tục, gắn liền với sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp lâu dài, chứ không chỉ là nhiệm vụ trong giai đoạn học đại học. Khi thái độ học tập được xây dựng trên nền tảng tự học và học tập suốt đời, sinh viên sẽ có khả năng thích ứng linh hoạt với yêu cầu hội nhập quốc tế và không ngừng nâng cao năng lực ngoại ngữ của bản thân.

Tóm lại, thái độ học tập của sinh viên đối với môn ngoại ngữ là nhân tố quan trọng, có tính quyết định đến hiệu quả dạy và học ngoại ngữ trong giáo dục đại học. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khi yêu cầu về năng lực ngoại ngữ ngày càng cao, việc hình thành và phát triển thái độ học tập tích cực cho sinh viên càng trở nên cấp thiết. Nâng cao thái độ học tập ngoại ngữ không chỉ là trách nhiệm của sinh viên mà cần sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giảng viên và môi trường xã hội. Điều này góp phần đào tạo nguồn nhân lực có năng lực ngoại ngữ vững vàng, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Hoàng và cộng sự (2022), Thái độ của sinh viên với tình tương tác trong học tập tiếng Anh trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Nghiên cứu khám phá tại một trường đại học Việt Nam, Tạp chí Giáo dục, số 16, tr.60-64.
2. Patrick King, Robyn Conley Downs (2021), Tâm lý học hành vi, Nhà Thanh niên, Hà Nội.
3. Châm (2025), Tiếng Anh Gen Z trong giao tiếp - Tiếng Anh giao tiếp để nhớ cho người lười, Nxb Dân trí, Hà Nội.